TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2024/HS-ST
Ngày 26 - 12 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hanh

Bà Trần Thị Kim Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Lăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Phan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 94/2024/TLST- HS ngày 29 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2024, đối với bị cáo:

Lê Thị Minh T, sinh ngày 12/01/1991; nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn H và bà Phạm Thị T1 (đã chết); có chồng là Lê Văn H1 và 03 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Bị hại*: Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1971 (đã chết); địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Những người đại diện hợp pháp của bị hại:

+ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1967 (có mặt).

+ Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1993 (vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1998 (vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 2004 (vắng mặt).

Đều địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

* Người đại diện theo ủy quyền của anh L, chị T3, anh V, anh T2: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- *Người làm chứng*: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn D, xã D, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Lê Thị Minh T có Giấy phép lái xe mô tô hạng A1 do Sở Giao thông vận tải tỉnh V cấp ngày 03/9/2015 có giá trị không thời hạn. Khoảng 18 giờ 45 phút ngày 26/6/2024, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, BKS: 88K1-214.81 từ nhà ở xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc đến Công ty TNHH D ở phường K, thành phố V. Khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô đi đến đoạn đường liên xã T - huyện T đi phường Đ - thành phố V thuộc địa phận thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. T điều khiển xe mô tô đi ở giữa làn đường theo hướng đi thành phố V với vận tốc khoảng 50km/h. Do thời tiết vừa mới mưa xong nên mặt đường còn ẩm ướt, trơn trượt, trời tối, đường không có hệ thống đèn đường chiếu sáng nên tầm nhìn bị hạn chế; T điều khiển xe mô tô không chú ý quan sát phía trước nên khi điều khiển xe mô tô đi vào đoạn đường liên xã T - huyện T đi phường Đ - thành phố V khoảng 1,5 km thì phát hiện ở phía trước, cách khoảng 05m có bà Nguyễn Thị H2 đang ngồi xổm, sát bên trái xe đạp để tra xích xe đạp ở giữa đường theo chiều đi của T. Do khoảng cách gần, không kịp xử lý nên phần đầu xe mô tô do T điều khiển đã đâm vào sườn bên trái của bà H2 làm bà H2 ngã văng theo xe và nằm ngửa trên đường, xe mô tô bị đổ, T bị ngã xuống nền đường. Hậu quả, bà Nguyễn Thị H2 bị thương nặng được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh V sau đó tử vong; xe mô tô và xe đạp bị hư hỏng nhẹ.

Sau khi vụ tai nạn xảy ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành: Tạm giữ vật chứng vụ án, khám nghiệm hiện trường, khám phương tiện, khám nghiệm tử thi, giám định chất ma túy, nồng độ cồn theo quy định pháp luật.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T tiến hành đo nồng độ cồn của Lê Thị Minh T, kết quả: Tại phiếu đo nồng độ cồn qua hơi thở hồi 23 giờ 39 phút ngày 26/6/2024 thể hiện kết quả đo nồng độ cồn của Lê Thị Minh T là 0,000mg/l.

Ngày 03/7/2024, Phòng K - Công an tỉnh V có Kết luận giám định số: 1949/KL-KTHS, kết luận: Không phát hiện thấy có cồn (E) trong mẫu chất lỏng màu nâu đỏ được cơ quan trưng cầu xác định là mẫu máu thu của Lê Thị Minh T - SN: 1991, HKTT: Thôn B - xã H - huyện T - tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 06/7/2024, Phòng K - Công an tỉnh V có Kết luận giám định số: 1959/KL-KTHS, kết luận: Không tìm thấy chất ma túy thường gặp (Morphine, Heroin, MDMA, Methamphetamine, Ketamine, 2C-B và TFMPP) trong mẫu chất lỏng màu nâu đỏ được cơ quan trưng cầu xác định là mẫu máu thu của Lê Thị Minh T - SN: 1991, HKTT: Thôn B - xã H - huyện T - tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 05/7/2024, Phòng K - Công an tỉnh V có Kết luận giám định số: 1957/KL-KTHS, kết luận: Không phát hiện thấy có cồn (E) trong mẫu chất lỏng màu nâu đỏ được cơ quan trưng cầu xác định là mẫu máu thu của tử thi Nguyễn Thị H2 - SN: 1971, HKTT: Thôn P - xã T - huyện T - tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 06/7/2024, Phòng K - Công an tỉnh V có Kết luận giám định số: 1960/KL-KTHS, kết luận: Không tìm thấy chất ma túy thường gặp (Morphine, Heroin, MDMA Methamphetamine, Ketamine, 2C-B và TFMPP) trong mẫu chất lỏng màu nâu đỏ được cơ quan trưng cầu xác định là mẫu máu thu của tử thi Nguyễn Thị H2 - SN: 1971, HKTT: Thôn P - xã T - huyện T - tỉnh Vĩnh Phúc.

Tại Kết luận giám định tử thi số: 2123/KLGĐTT-PC09-PY ngày 23/7/2024 của Phòng K - Công an tỉnh V, kết luận: Kết quả khám nghiệm: Vùng mặt, tay, chân có các vết sây sát, mài trượt da, bầm tụ máu. Ngực trái mất vững, thành ngực trái có vết mổ dẫn lưu. Gãy nhiều xương sườn vùng ngực trái, đầu gãy đâm vào trong khoang ngực, dập rách nhu mô phổi trái, trong khoang ngực trái có máu không đông. Nguyên nhân chết của Nguyễn Thị H2: Chấn thương ngực kín.

Ngày 10/7/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T có Kết luận định giá tài sản số: 43/KL-HĐĐGTS. Kết luận: Giá trị thiệt hại xe đạp nữ, màu sơn xanh đã cũ, đã qua sử dụng là: 95.000đ. Giá trị thiệt hại xe mô tô BKS: 88K1 - 214.81 là: 138.000đ.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Sau khi xảy ra tai nạn giao thông Lê Thị Minh T đã bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 150.000.000đ. Quá trình điều tra, ông Nguyễn Văn Đ là đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu T phải bồi thường thêm khoản tiền gì khác và không yêu cầu T bồi thường giá trị thiệt hại đối với xe đạp; đồng thời có đơn đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho T.

Tại Cáo trạng số: 99/CT-VKSTD ngày 26/11/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương truy tố bị cáo Lê Thị Minh T về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Thị Minh T phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Thị Minh T từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không hành nghề lái xe nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng, đề nghị áp dụng Điều 46 của Bộ luật hình sự và Điều 106

của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy mẫu trả vụ số 1782/2024 và 1784/2024 còn lại sau giám định cùng toàn bộ bao gói. Trả lại cho bị cáo Lê Thị Minh T 01 giấy phép lái xe hạng A1, số 261158007835 mang tên Lê Thị Minh T.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện chăm sóc các con còn nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự tố tụng của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người làm chứng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người làm chứng, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, khám phương tiện, kết luận giám định pháp y về tử thi cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ khẳng định: Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 26/6/2024, Lê Thị Minh T có giấy phép lái xe mô tô theo quy định, điều xe mô tô nhãn hiệu Honda, BKS 88K1- 214.81 đi đến đoạn đường liên xã T - T đi phường Đ, thành phố V thuộc địa phận thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Do thời tiết vừa mới mưa xong nên mặt đường còn ẩm ướt, trơn trượt; trời tối, đường không có hệ thống đèn đường chiếu sáng nên tầm nhìn bị hạn chế. T điều khiển xe mô tô đi ở giữa làn đường theo hướng đi thành phố V với vận tốc khoảng 50km/giờ nhưng không chú ý quan sát phía trước và không giảm tốc độ, không thể dừng lại một cách an toàn nên xe mô tô do T điều khiển đâm va vào bà Nguyễn Thị H2 đang ngồi xổm sát bên trái xe đạp của bà H2 để tra xích xe ở giữa đường theo chiều đi của T, hậu quả bà H2 tử vong.

[3] Hành vi của Lê Thị Minh T không chú ý quan sát, không giảm tốc độ điều khiển xe mô tô trong điều kiện đường trơn trượt, hạn chế tầm nhìn và có chướng ngại vật phía trước, đã vi phạm khoản 1, 2, 11 Điều 5 Thông tư số 31 ngày 29/8/2019 của Bộ G quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

Khoản 1, 2, 11 Điều 5 Thông tư số 31 quy định: "Các trường hợp phải giảm tốc độ: "*Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn trong các trường hợp sau:*

1. .... có chướng ngại vật trên đường;

2. .... tầm nhìn bị hạn chế;

11. ... mặt đường trơn trượt...;"

Hành vi của Lê Thị Minh T điều khiển xe mô tô vi phạm luật giao thông đường bộ gây hậu quả nghiêm trọng, làm chết 01 người đã phạm vào tội: "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Điều 260 Bộ luật Hình sự quy định: "*1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

a. Làm chết người ... ;"

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại đến tính mạng người khác được pháp luật bảo vệ; tuy nhiên trong vụ án này bị hại cũng có một phần lỗi là dừng đỗ xe không đúng nơi quy định. Nên Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt bị cáo với mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trước khi phạm tội, bị cáo là người có nhân thân tốt, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi tai nạn xảy ra đã tích cực thăm hỏi, động viên và tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại; người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo và tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo; bị cáo có ông nội là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xét thấy, trong vụ án này bị hại cũng có lỗi một phần; đối với bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo; hiện nay bị cáo đang nuôi 03 con còn nhỏ tuổi, nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo cho chính quyền

địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ý thức chấp hành pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 260 Bộ luật hình sự quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm".* Bị cáo không hành nghề lái xe nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong, đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô BKS: 88K1- 214.81, quá trình điều tra xác định đăng ký xe mô tô mang tên Lê Thị Minh T là tài sản hợp pháp của T nên cơ quan điều tra đã trả lại cho T xe mô tô, 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 mũ bảo hiểm loại nửa đầu màu xanh và 01 móc treo đồ bị gãy, nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Đối với 01 xe đạp nữ màu sơn xanh, xe đã qua sử dụng và 01 xô nhựa, 01 nón, 01 gáo nhựa màu xanh, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị H2 nên cơ quan điều tra đã trả lại cho đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị H2, nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Đối với các mẫu trả vụ số 1782/2024 và 1784/2024 còn lại sau giám định cùng toàn bộ bao gói cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 giấy phép lái xe hạng A1 số: 261158007835 mang tên Lê Thị Minh T cần trả lại cho T.

[8] Về án phí: Bị cáo Lê Thị Minh T phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị Minh T phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị Minh T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (Ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Thị Minh T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp

hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy các mẫu trả vụ số 1782/2024 và 1784/2024 còn lại sau giám định cùng toàn bộ bao gói.

Trả lại cho bị cáo Lê Thị Minh T 01 giấy phép lái xe hạng A1 số: 261158007835 mang tên Lê Thị Minh T.

(Vật chứng có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/12/2024 giữa Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Thị Minh T phải chịu 200.000đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện T;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo; Những người tham gia tố tụng;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS + THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Thu Hạnh